HUYỆN CHI LĂNG

PHỤ BIỂU 2.1

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ NĂM 2025 CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CẤP HUYỆN (TRƯỚC SẮP XẾP) QUẢN LÝ

(Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-UBND ngày 24/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện (ghi rõ tên xã)		Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Lũy kế vốn giải ngân từ khởi công đến trước năm kế hoạch	Kế hoạch vốn bố trí trong năm 2025					Chủ đầu tư/ Cơ quan được giao vốn trước khi sắp xếp	Sau rà soát, quyết định		Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau sắp xếp					Kế hoạch vốn năm 2025 sau sắp xếp					Ghi chú
								Trong đó								Trong đó, vốn giao về cấp quyết định					Trong đó, vốn giao về cấp quyết định				
		Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Số quyết định, ngày, tháng	Tổng mức đầu tư (TMĐT)		Tổng số	Vốn ngân sách trung ương (NSTW)	Vốn ngân sách tỉnh (NST)	Vốn ngân sách huyện (NSH)	Vốn khác		Cấp quyết định chủ trương đầu tư/ quyết định đầu tư sau sắp xếp	Tên chủ đầu tư/ cơ quan giao kế hoạch sau sắp xếp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW	Vốn NST	Vốn phân cấp cho cấp xã	Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW	Vốn NST	Vốn phân cấp cho cấp xã	Vốn khác	
	TỔNG SỐ				**285.497**	**183.054**	**69.159**	**-**	**6.430**	**62.729**	**-**	**-**	**-**	**-**	**217.672**	**-**	**45.118**	**8.107**	**-**	**69.159**	**-**	**45.118**	**24.041**	**-**	
A	**Vốn kế hoạch năm 2025**				**284.610**	**183.054**	**68.272**	**-**	**6.430**	**61.842**	**-**	**-**			**216.785**	**-**	**45.118**	**7.220**	**-**	**68.272**	**-**	**45.118**	**23.154**	**-**	
A.1	**Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí NQ16**				**39.717**	**20.786**	**9.796**	**-**	**-**	**9.796**	**-**	**-**			**32.183**	**-**	**9.796**	**-**	**-**	**9.796**	**-**	**9.796**	**-**	**-**	
1	**Dự án hoàn thành trước năm 2025**				36.717	20.786	8.330	-	-	8.330	-	-			30.717	-	8.330	-	-	8.330	-	8.330	-	-	
a	**Dự án hoàn thành đã quyết toán chưa bố trí đủ vốn**				24.721	15.173	4.595	-	-	4.595	-	-			18.721	-	4.595	-	-	4.595	-	4.595	-	-	
1	Trụ Sở UBND xã Quan Sơn	xã Quan Sơn	xã Quan Sơn	1109/QĐ-UBND ngày 02/4/2021	3.721	**3.600**	**62**			62		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	3.721	-	62	-		62	-	62	-	-	
2	Trụ sở UBND xã Hữu Kiên	xã Hữu Kiên	xã Quan Sơn	2695/QĐ-UBND ngày 26/06/2024	4.500	**1.000**	**2.358**			2.358		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	4.500	-	2.358	-		2.358	-	2.358	-	-	
3	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND xã Bằng Hữu	xã Bằng Hữu	xã Bằng Mạc	Số 4986a/QĐ-UBND ngày 20/12/2022	4.500	**1.579**	**1.175**			1.175		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	4.500	-	1.175	-		1.175	-	1.175	-	-	
4	Trường TH xã Chi Lăng	Chi Lăng	xã Chi Lăng	3737/QĐ-UBND ngày 28/09/2022	12.000	8.994	1.000			1.000		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	6.000	-	1.000	-		1.000	-	1.000	-	-	
b	**Dự án hoàn thành chưa quyết toán**				**11.996**	**5.614**	**3.735**	**-**	**-**	**3.735**	**-**	**-**	**-**	**-**	**11.996**	**-**	**3.735**	**-**	**-**	**3.735**	**-**	**3.735**	**-**	**-**	
1	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở UBND xã Nhân Lý	xã Nhân Lý	xã Nhân Lý	4572/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	2.000	1.114	886			886		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	2.000	-	886	-		886	-	886	-	-	
2	Hỗ trợ xi măng làm đường giao thông nông thôn cho các xã, thị trấn năm 2023,2024	Các xã, TT	Các xã, TT		3.996		1.534			1.534		Phòng KT,HT&ĐT huyện	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	3.996	-	1.534	-		1.534	-	1.534	-	-	
3	Đầu tư cơ sở vật chất Trường Mầm non Bình Minh, thị trấn Đồng Mỏ	Đồng Mỏ	xã Chi Lăng	1675/QĐ-UBND ngày 16/5/2022	6.000	4.500	1.315			1.315		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	6.000	-	1.315	-		1.315	-	1.315	-	-	
2	**Dự án khởi công mới năm 2025**				3.000	-	1.466	-	-	1.466	-				1.466	-	1.466	-	-	1.466	-	1.466	-	-	
	Hỗ trợ xi măng làm đường giao thông nông thôn cho các xã, thị trấn năm 2025	Các xã, TT	Các xã	5293/QĐ-UBND ngày 16/12/2024	3.000		1.466			1.466		Phòng KT,HT&ĐT huyện	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	1.466	-	1.466	-		1.466	-	1.466	-	-	
A.2	**Nguồn thu sử dụng đất**				**95.890**	**26.978**	**30.000**	**-**	**-**	**30.000**	**-**				**35.600**	**-**	**14.066**	**-**	**-**	**30.000**	**-**	**14.066**	**15.934**	**-**	
a	**Dự án hoàn thành trước năm 2025**				44.253	24.609	4.398	-	-	4.398	-				28.400	-	4.398	-	-	4.398	-	4.398	-	-	
a.1	***Dự án hoàn thành đã quyết toán chưa bố trí đủ vốn***				42.373	23.334	4.166	-	-	4.166	-	-	-	-	26.893	-	4.166	-	-	4.166	-	4.166	-	-	
1	Chợ nông sản và khu dân cư thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng (Giai đoạn 2)	TT Chi Lăng	xã Chi Lăng	562/QĐ-UBND ngày 01/02/2018	41.180	22.246	4.066			4.066		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	26.893	-	4.066	-		4.066	-	4.066	-	-	
2	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn	Trên địa bàn huyện Chi Lăng	Các xã	3196/QĐ-UBND ngày 26/7/2023	1.193	1.087	100			100		Phòng NN&MT huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	-	-	100	-		100	-	100	-	-	
a.2	***Dự án hoàn thành chưa quyết toán***				1.881	1.275	232	-	-	232	-				1.507	-	232	-	-	232	-	232	-	-	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện (ghi rõ tên xã)		Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Lũy kế vốn giải ngân từ khởi công đến trước năm kế hoạch	Kế hoạch vốn bố trí trong năm 2025					Chủ đầu tư/ Cơ quan được giao vốn trước khi sắp xếp	Sau rà soát, quyết định		Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau sắp xếp					Kế hoạch vốn năm 2025 sau sắp xếp					Ghi chú
								Trong đó								Trong đó, vốn giao về cấp quyết định					Trong đó, vốn giao về cấp quyết định				
		Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Số quyết định, ngày, tháng	Tổng mức đầu tư (TMĐT)		Tổng số	Vốn ngân sách trung ương (NSTW)	Vốn ngân sách tỉnh (NST)	Vốn ngân sách huyện (NSH)	Vốn khác		Cấp quyết định chủ trương đầu tư/ quyết định đầu tư sau sắp xếp	Tên chủ đầu tư/ cơ quan giao kế hoạch sau sắp xếp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW	Vốn NST	Vốn phân cấp cho cấp xã	Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW	Vốn NST	Vốn phân cấp cho cấp xã	Vốn khác	
1	Lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn	Trên địa bàn huyện Chi Lăng	Các xã	5116/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	1.381	874	133			133		Phòng NN&MT huyện	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	1.007	-	133	-		133	-	133	-	-	
2	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn	Trên địa bàn huyện Chi Lăng	Các xã	2165/QĐ-UBND ngày 10/5/2024	500	401	99			99		Phòng NN&MT huyện	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	500	-	99	-		99	-	99	-	-	
b	**Dự án chuyển tiếp**				44.637	2.369	3.668	-	-	3.668	-	-	-	-	5.200	-	3.668	-	-	3.668	-	3.668	-	-	
1	Dự án xây dựng khu dân cư tập trung Than Muội	TT Đồng Mỏ	xã Chi Lăng		40.000	247	1.000			1.000		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	5.200	-	1.000	-		1.000	-	1.000	-	-	
2	Dự án đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính, đăng ký đất đai trên địa bàn huyện(xử lý các biến động đất đai hoặc sai sót trong quá trình lập bản đồ địa chính)	Trên địa bàn huyện Chi Lăng	Các xã	894/QĐ-UBND ngày 26/3/2025	600	408	172			172		Phòng NN&MT huyện	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	-	-	172	-		172	-	172	-	-	
3	Đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính đất lâm nghiệp tỷ lệ 1/10.000 thị trấn Đồng Mỏ và lập cơ sở dữ liệu đất đai đối với đất lâm nghiệp thị trấn Đồng Mỏ	Trên địa bàn huyện Chi Lăng	Các xã	3616/QĐ-UBND ngày 09/8/2024	1.553	249	1.227			1.227		Phòng NN&MT huyện	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	-	-	1.227	-		1.227	-	1.227	-	-	
4	Kiểm kê đất đai đất năm 2024 trên địa bàn huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn	Trên địa bàn huyện Chi Lăng	Các xã	2482/QĐ-UBND ngày 04/6/2024	2.483	1.465	1.268			1.268		Phòng NN&MT huyện	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	-	-	1.268	-		1.268	-	1.268	-	-	
c	**Dự án khởi công mới năm 2025**				2.000	-	1.000	-	-	1.000	-				2.000	-	1.000	-	-	1.000	-	1.000	-	-	
	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH 88	Vạn Linh, Y Tịch	xã Vạn Linh		2.000		1.000			1.000		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	2.000	-	1.000	-		1.000	-	1.000	-	-	chuẩn bị đầu tư
d	**Đối ứng các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025**						**15.934**			**15.934**										**15.934**		**-**	**15.934**		
1	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN						9.130			9.130					-	-	-	9.130		9.130	-	-	9.130	-	Chi tiết tại phụ biểu 2.2
2	CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI						6.804			6.804					-	-	-	6.804		6.804	-	-	6.804	-	
e	**Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2026-2030**				**2.000**		**2.000**			**2.000**		UBND huyện chưa phân bổ chi tiết	Cấp tỉnh	Chưa phân bổ	**-**	**-**	**2.000**	**-**		**2.000**	**-**	**2.000**	**-**	**-**	Sở Tài chính rà soát, phân bổ chi tiết
f	**Trích nộp 10% Quỹ Phát triển đất**				**3.000**		**3.000**			**3.000**		UBND huyện	Cấp tỉnh	Sở Tài chính	**-**	**-**	**3.000**	**-**		**3.000**	**-**	**3.000**	**-**	**-**	
A.3	**NGUỒN TĂNG THU, TIẾT KIỆM CHI BỔ SUNG VÀO ĐẦU TƯ CÔNG CẤP HUYỆN (ĐIỀU CHỈNH VÀO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG SÁU SẮP XẾP)**				**133.542**	**127.826**	**22.046**	**-**	**-**	**22.046**	**-**	**-**	**-**	**-**	**133.542**	**-**	**20.976**	**1.070**	**-**	**22.046**	**-**	**20.976**	**1.070**	**-**	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện (ghi rõ tên xã)		Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Lũy kế vốn giải ngân từ khởi công đến trước năm kế hoạch	Kế hoạch vốn bố trí trong năm 2025					Chủ đầu tư/ Cơ quan được giao vốn trước khi sắp xếp	Sau rà soát, quyết định		Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau sắp xếp					Kế hoạch vốn năm 2025 sau sắp xếp					Ghi chú
		Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Số quyết định, ngày, tháng	Tổng mức đầu tư (TMĐT)		Tổng số	Trong đó					Cấp quyết định chủ trương đầu tư/ quyết định đầu tư sau sắp xếp	Tên chủ đầu tư/ cơ quan giao kế hoạch sau sắp xếp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn giao về cấp quyết định				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn giao về cấp quyết định				
								Vốn ngân sách trung ương (NSTW)	Vốn ngân sách tỉnh (NST)	Vốn ngân sách huyện (NSH)	Vốn khác					Vốn NSTW	Vốn NST	Vốn phân cấp cho cấp xã	Vốn khác		Vốn NSTW	Vốn NST	Vốn phân cấp cho cấp xã	Vốn khác	
a.1	***Dự án hoàn thành đã quyết toán chưa bố trí đủ vốn***				**95.153**	**107.743**	**10.430**	**-**	**-**	**10.430**	**-**	-	-	-	**95.153**	**-**	**10.430**	**-**	**-**	**10.430**	**-**	**10.430**	**-**	**-**	
1	Bê tông tuyến đường liên thôn từ UBND xã Y Tịch – Na Cà, xã Y Tịch huyện Chi Lăng	Y Tịch	xã Vạn Linh	3795/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	7.250	6.929	80			80		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	7.250	-	80	-		80	-	80	-	-	
2	Xây dựng phòng tiếp công dân và nhà bếp UBND xã Liên Sơn	Liên Sơn	xã Chiến Thắng	3740/QĐ-UBND ngày 28/9/2022	658	300	353			353		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	658	-	353	-		353	-	353	-	-	
3	Trạm Y tế xã Quan Sơn (cũ), huyện Chi Lăng	Quan Sơn	xã Quan Sơn	1852/QĐ-UBND ngày 31/5/2022	305	187	100			100		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	305	-	100	-		100	-	100	-	-	
4	Mương Nà Hoàng	Xã Thượng Cường	Xã Bằng Mạc	1557/QĐ-UBND ngày 29/04/2022	1.179	777	56			56		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	1.179	-	56	-		56	-	56	-	-	
5	Sửa chữa cục bộ nền, mặt đường và cải tạo hệ thống thoát nước đoạn Km0-Km5 đường huyện ĐH.89(Bằng Mạc-Bằng Hữu)	Bằng Mạc-Bằng Hữu	Xã Bằng Mạc	4258/QĐ-UBND ngày 30/9/2024	1.176	1.000	119			119		Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	1.176	-	119	-		119	-	119	-	-	
6	Chợ nông sản và khu dân cư thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng (Giai đoạn 2)	TT Chi Lăng	xã Chi Lăng	562/QĐ-UBND ngày 01/02/2018		22.246	4.000			4.000		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	-	-	4.000	-		4.000	-	4.000	-	-	2 nguồn
7	Đường liên thôn Làng Bu 1 - Co Lái - Bắc Phiềng, xã Lâm Sơn	xã Lâm Sơn	xã Nhân Lý	1458/QĐ-UBND ngày 27/4/2018	4.615	4.120	495			495		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	4.615	-	495	-		495	-	495	-	-	
8	Chợ nông sản và khu dân cư thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng. Hạng mục: Nhà chợ nông sản	TT Chi Lăng	xã Chi Lăng	4130/QĐ-UBND ngày 25/11/2019	4.466	3.600	783			783		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	4.466	-	783	-		783	-	783	-	-	
9	Bê tông tuyến đường Làng Hăng, xã Quan Sơn	xã Quan Sơn	xã Quan Sơn	1877/QĐ-UBND ngày 11/6/2021	1.715	1.587	42			42		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	1.715	-	42	-		42	-	42	-	-	
10	Xây dựng nhà văn hóa xã Quan Sơn	xã Quan Sơn	xã Quan Sơn	1950/QĐ-UBND ngày 16/6/2021	2.777	2.700	77			77		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	2.777	-	77	-		77	-	77	-	-	
11	Trường Mầm non xã Quan Sơn	xã Quan Sơn	xã Quan Sơn	1956/QĐ-UBND ngày 18/6/2021	11.972	11.900	72			72		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	11.972	-	72	-		72	-	72	-	-	
12	Cải tạo, sửa chữa Trường THCS xã Quan Sơn	xã Quan Sơn	xã Quan Sơn	2013/QĐ-UBND ngày 24/6/2021	1.348	1.300	48			48		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	1.348	-	48	-		48	-	48	-	-	
13	Đầu tư cơ sở vật chất Trường Tiểu học xã Quan Sơn (Điểm trường chính)	xã Quan Sơn	xã Quan Sơn	3000/QĐ-UBND ngày 16/7/2021	12.053	11.750	303			303		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	12.053	-	303	-		303	-	303	-	-	
14	Xây dựng nhà lớp học và phòng chờ điểm trường Làng Thượng, Trường Tiểu học xã Quan Sơn	xã Quan Sơn	xã Quan Sơn	Số 2937/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	4.179	3.975	204			204		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	4.179	-	204	-		204	-	204	-	-	
15	Xây dựng 02 phòng học điểm trường Làng Thượng, Trường Mầm non xã Quan Sơn	xã Quan Sơn	xã Quan Sơn	Số 1876/QĐ-UBND ngày 11/06/2021	1.400	1.200	170			170		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	1.400	-	170	-		170	-	170	-	-	
16	Trường TH&THCS xã Thượng Cường	xã Thượng Cường	Xã Bằng Mạc	Số 1617/QĐ-UBND ngày 06/05/2022	10.861	10.248	134			134		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	10.861	-	134	-		134	-	134	-	-	
17	Trường Mầm non xã Thượng Cường và 01 phòng học Điểm trường Tổng Nọt	xã Thượng Cường	Xã Bằng Mạc	1638/QĐ-UBND ngày 10/5/2022	6.849	6.849	49			49		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	6.849	-	49	-		49	-	49	-	-	
18	Phân Trường Tổng Nọt, Trường TH&THCS xã Thượng Cường	xã Thượng Cường	Xã Bằng Mạc	1616/QĐ-UBND ngày 06/5/2022	1.476	1.340	136			136		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	1.476	-	136	-		136	-	136	-	-	
19	Nhà văn hóa xã Thượng Cường	xã Thượng Cường	Xã Bằng Mạc	1673/QĐ-UBND ngày 16/05/2022	3.957	2.743	247			247		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	3.957	-	247	-		247	-	247	-	-	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện (ghi rõ tên xã)		Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Lũy kế vốn giải ngân từ khởi công đến trước năm kế hoạch	Kế hoạch vốn bố trí trong năm 2025					Chủ đầu tư/ Cơ quan được giao vốn trước khi sắp xếp	Sau rà soát, quyết định		Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau sắp xếp					Kế hoạch vốn năm 2025 sau sắp xếp					Ghi chú
								Trong đó								Trong đó, vốn giao về cấp quyết định					Trong đó, vốn giao về cấp quyết định				
		Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Số quyết định, ngày, tháng	Tổng mức đầu tư (TMĐT)		Tổng số	Vốn ngân sách trung ương (NSTW)	Vốn ngân sách tỉnh (NST)	Vốn ngân sách huyện (NSH)	Vốn khác		Cấp quyết định chủ trương đầu tư/ quyết định đầu tư sau sắp xếp	Tên chủ đầu tư/ cơ quan giao kế hoạch sau sắp xếp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW	Vốn NST	Vốn phân cấp cho cấp xã	Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW	Vốn NST	Vốn phân cấp cho cấp xã	Vốn khác	
20	Đường liên thôn Khòn Sâu - Lũng Ca - Lũng Luông, xã Thượng Cường	xã Thượng Cường	Xã Bằng Mạc	1696/QĐ-UBND ngày 16/5/2022	3.682	2.646	862			862		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	3.682	-	862	-		862	-	862	-	-	
21	Trường TH xã Chi Lăng	xã Chi Lăng	xã Chi Lăng	3737/QĐ-UBND ngày 28/09/2022	11.780	8.994	2.000			2.000		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	11.780	-	2.000	-		2.000	-	2.000	-	-	
22	Trường THCS xã Chi Lăng	xã Chi Lăng	xã Chi Lăng	3738/QĐ-UBND ngày 28/09/2022	1.453	1.352	100			100		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	1.453	-	100	-		100	-	100	-	-	
a.2	***Dự án hoàn thành chưa quyết toán***				**38.389**	**20.083**	**11.616**	**-**	**-**	**11.616**	**-**	**-**	**-**	**-**	**38.389**	**-**	**10.546**	**1.070**	**-**	**11.616**	**-**	**10.546**	**1.070**	**-**	
1	Đường Bê tông thôn Mè thình xã Hữu Kiên	Hữu Kiên	xã Quan Sơn	2642/QĐ-UBND ngày 29/07/2019	2.321	1.744	85			85		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	2.321	-	85	-		85	-	85	-	-	
2	Hỗ trợ kinh phí xã Chi Lăng trả nợ các công trình xây dựng NTM năm: 2017, đến năm 2022				793	250	543			543		UBND xã Chi Lăng	Cấp xã	UBND xã Chi Lăng	793	-	-	543		543	-	-	543	-	
3	Bê tông tuyến đường liên thôn Chợ Hoàng (Thượng Cương)-Phai xá (Bằng mạc), huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn				1.752	800	235			235		Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	1.752	-	235	-		235	-	235	-	-	
4	Hỗ trợ cải tạo lưới điện hạ áp nông thôn 0,4KV xã Nhân Lý năm 2023				479	247	23			23		Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	479	-	23	-		23	-	23	-	-	
5	Cung cấp cống hỗ trợ làm đường giao thông nông thôn năm 2023				600	400	83			83		Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	600	-	83	-		83	-	83	-	-	
6	Sửa chữa, cải tạo Trung tâm Y tế huyện Chi Lăng; Hạng mục: Hệ thống thu gom đường nước thải sinh hoạt	TT Đồng Mỏ	xã Chi Lăng	5082/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	191		152			152		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	191	-	152	-		152	-	152	-	-	
7	Mương Lân Tát	Xã Y Tịch	xã Vạn Linh	1564/QĐ-UBND ngày 05/05/2022	699	600	17			17		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	699	-	17	-		17	-	17	-	-	
8	Đầu tư xây dựng thiết chế nhà văn hóa thôn Bản Dù	xã Vân Thủy	xã Chiến Thắng	109/QĐ-UBND ngày 11/10/2023	322	307	15			15		UBND xã Vân Thủy	Cấp xã	UBND xã Chiến Thắng	322	-	-	15		15	-	-	15	-	
9	Hỗ trợ xi măng đợt 2 cho các xã điểm NTM 2024 xã Bằng Hữu và các xã, thị trấn trên địa bàn	Xã Bằng Mạc	Xã Bằng Mạc		2.370	800	1.300			1.300		Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	2.370	-	1.300	-		1.300	-	1.300	-	-	
10	Hỗ trợ xi măng làm đường giao thông nông thôn cho các xã, thị trấn năm 2024 đợt 2			4882/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	2.800	500	1.524			1.524		Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Cấp tỉnh	Sở Xây dựng	2.800	-	1.524	-		1.524	-	1.524	-	-	
11	Sửa chữa tuyến đường trục thôn Làng Mỏ, đoạn từ Quốc lộ 1 vào Đình Làng Mỏ, huyện Chi Lăng	TT Đồng Mỏ	xã Chi Lăng	5007/QĐ-UBND ngày 26/11/2024	1.187	500	400			400		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	1.187	-	400	-		400	-	400	-	-	
12	Bê tông tuyến đường Kéo Phầy - Pá Tào - Lũng Đẩy, xã Bằng Hữu	Xã Bằng Hữu	Xã Bằng Mạc	4325/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	1.300	973	293			293		UBND xã Bằng Hữu	Cấp xã	UBND xã Bằng Mạc	1.300	-	-	293		293	-	-	293	-	
13	Đường Bản Lăm - Hợp Đường xã Liên Sơn	xã Liên Sơn	xã Chiến Thắng		1.800	1.681	219			219		UBND xã Liên Sơn	Cấp xã	UBND xã Chiến Thắng	1.800	-	-	219		219	-	-	219	-	
14	Cầu Làng Ngũa	xã Chi Lăng	xã Chi Lăng	4896/QĐ-UBND ngày 20/11/2024	3.031	92	2.000			2.000		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	3.031	-	2.000	-		2.000	-	2.000	-	-	
15	Cung cấp cống hỗ trợ làm đường giao thông nông thôn	Các xã, TT			600	200	200			200		Phòng KT,HT&ĐT huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	600	-	200	-		200	-	200	-	-	
16	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH 89	xã Bằng Mạc, Bằng Hữu	xã Bằng Mạc	4258/QĐ-UBND ngày 30/9/2024	2.000	1.000	119			119		Phòng KT,HT&ĐT huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	2.000	-	119	-		119	-	119	-	-	
17	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường thôn Ga, đoạn từ Quốc lộ 1 đến Ga Chi Lăng xã Chi Lăng	xã Chi Lăng	xã Chi Lăng	3739/QĐ-UBND ngày 28/09/2022	2.480	1.468	580			580		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	2.480	-	580	-		580	-	580	-	-	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện (ghi rõ tên xã)		Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Lũy kế vốn giải ngân từ khởi công đến trước năm kế hoạch	Kế hoạch vốn bố trí trong năm 2025					Chủ đầu tư/ Cơ quan được giao vốn trước khi sắp xếp	Sau rà soát, quyết định		Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau sắp xếp					Kế hoạch vốn năm 2025 sau sắp xếp					Ghi chú
							Tổng số	Trong đó							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn giao về cấp quyết định				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn giao về cấp quyết định				
		Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Số quyết định, ngày, tháng	Tổng mức đầu tư (TMĐT)			Vốn ngân sách trung ương (NSTW)	Vốn ngân sách tỉnh (NST)	Vốn ngân sách huyện (NSH)	Vốn khác		Cấp quyết định chủ trương đầu tư/ quyết định đầu tư sau sắp xếp	Tên chủ đầu tư/ cơ quan giao kế hoạch sau sắp xếp		Vốn NSTW	Vốn NST	Vốn phân cấp cho cấp xã	Vốn khác		Vốn NSTW	Vốn NST	Vốn phân cấp cho cấp xã	Vốn khác	
18	Cải tạo, sửa chữa di tích lịch sử Nhà trưng bày Chiến thắng Chi Lăng	xã Chi Lăng	xã Chi Lăng	2912/QĐ-UBND ngày 30/8/2022	2.710	1.902	500			500		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	2.710	-	500	-		500	-	500	-	-	
19	Cải tạo, sửa chữa nhà Trưng bày chiến thắng Chi Lăng	xã Chi Lăng	Xã Chi Lăng	1953/QĐ-UBND ngày 16/6/2021	457	100	351			351		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	457	-	351	-		351	-	351	-	-	
20	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở UBND huyện	TT Đồng Mỏ	xã Chi Lăng	2772/QĐ-UBND ngày 19/8/2022	7.000	4.200	1.800			1.800		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	7.000	-	1.800	-		1.800	-	1.800	-	-	
21	Xây dựng bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện Chi Lăng	TT Đồng Mỏ	xã Chi Lăng	2557/QĐ-UBND ngày 12/06/2024	1.500	500	1.000			1.000		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	1.500	-	1.000	-		1.000	-	1.000	-	-	
22	Đường trục xã Tổng Nọt - Nà Nưa - Lũng Tắng, Thượng Cường	xã Thượng Cường	Xã Bằng Mạc	1773/QĐ-UBND ngày 26/5/2022	1.997	1.820	177			177		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	1.997	-	177	-		177	-	177	-	-	
A.4	**NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CẤP TỈNH HỖ TRỢ ĐỀ ÁN GIAO THÔNG NÔNG THÔN**				**15.461**	**7.464**	**6.430**	**-**	**6.430**	**-**	**-**	-	-	-	**15.461**	**-**	**280**	**6.150**	**-**	**6.430**	**-**	**280**	**6.150**	**-**	**-**
I	**Hỗ trợ Đề án phát triển giao thông nông thôn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2021-2025**				**15.461**	**7.464**	**6.430**	**0**	**6.430**	**0**	**0**	0	**0**	**0**	**15.461**	**0**	**280**	**6.150**	**0**	**6.430**	**0**	**280**	**6.150**	**0**	
	Dự án hoàn thành chưa quyết toán				**15.461**	**7.464**	**6.430**	**0**	**6.430**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**15.461**	**0**	**280**	**6.150**	**0**	**6.430**	**0**	**280**	**6.150**	**0**	
1	Bê tông hóa tuyến đường Cô Mìn - Nà Cái, xã Chiến Thắng, huyện Chi Lăng	xã Chiến Thắng	xã Chiến Thắng		1.056	250	720		720			UBND xã Chiến Thắng	Cấp xã	UBND xã Chiến Thắng	1.056	-	-	720		720	-	-	720	-	
2	Bê tông hóa tuyến đường Nà Dạ - Khau Quang, xã Chiến Thắng, huyện Chi Lăng	xã Chiến Thắng	xã Chiến Thắng		1.284	400	775		775			UBND xã Chiến Thắng	Cấp xã	UBND xã Chiến Thắng	1.284	-	-	775		775	-	-	775	-	
3	Bê tông hóa tuyến đường Nà Dạ - Nà Là, xã Chiến Thắng, huyện Chi Lăng	xã Chiến Thắng	xã Chiến Thắng		1.639	400	1.105		1.105			UBND xã Chiến Thắng	Cấp xã	UBND xã Chiến Thắng	1.639	-	-	1.105		1.105	-	-	1.105	-	
4	Bê tông hóa tuyến đường huyện ĐH.82 (Chiến Thắng - Liên Sơn)	xã Chiến Thắng	xã Chiến Thắng		2.511	300	1.980		1.980			UBND xã Chiến Thắng	Cấp xã	UBND xã Chiến Thắng	2.511	-	-	1.980		1.980	-	-	1.980	-	
5	Bê tông hóa tuyến đường Nà Tình - Nà Phượng	xã Chiến Thắng	xã Chiến Thắng		1.832	150	1.570		1.570			UBND xã Chiến Thắng	Cấp xã	UBND xã Chiến Thắng	1.832	-	-	1.570		1.570	-	-	1.570	-	
6	Bê tông hóa tuyến đường Khun Thà, thôn Làng Bu, xã Lâm Sơn	Xã Lâm Sơn	xã Nhân Lý		1.617	1.402	80		80			Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	1.617	-	80	-		80	-	80	-	-	
7	Đường trục xã thôn Quán Bầu - thôn Ga, xã Chi Lăng	Xã Chi Lăng	Xã Chi Lăng		532	382	30		30			Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	532	-	30	-		30	-	30	-	-	
8	Bê tông hóa tuyến đường GTNT thôn Suối Mỏ, xã Hữu Kiên	Xã Hữu Kiên	xã Quan Sơn		1.442	1.240	80		80			Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	1.442	-	80	-		80	-	80	-	-	
9	Đường Làng Tuống – Làng Giao, xã Bằng Hữu	Xã Bằng Hữu	Xã Bằng Mạc		1.095	980	20		20			Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	1.095	-	20	-		20	-	20	-	-	
10	Đường Nà Lai – Nà Tèng, xã Vạn Linh	Xã Vạn Linh	Xã Vạn Linh		2.452	1.960	70		70			Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	2.452	-	70	-		70	-	70	-	-	
B	**VỐN KÉO DÀI THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN SANG NĂM 2025**				**887**	**-**	**887**	**-**	**-**	**887**	**-**	-	-	-	**887**	**-**	**-**	**887**	**-**	**887**	**-**	**-**	**887**	**-**	
B.1	**VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT**				**887**	**-**	**887**	**-**	**-**	**887**	**-**	-			**887**	**-**	**-**	**887**	**-**	**887**	**-**	**-**	**887**	**-**	Chi tiết tại phụ biểu 2.2
I	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN				887		887			887					887	-	-	887		887	-	-	887	-	

HUYỆN CHI LĂNG

PHỤ BIỂU 2.2

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ NĂM 2025 CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

(Kèm theo Quyết định số 1681/QĐ-UBND ngày 24/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện		Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Lũy kế vốn giải ngân từ khởi công đến trước năm kế hoạch	Kế hoạch vốn bố trí trong năm 2025					Chủ đầu tư/ Cơ quan được giao vốn trước khi sắp xếp	Sau rà soát, quyết định		Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau sắp xếp					Kế hoạch vốn năm 2025 sau sắp xếp					Ghi chú
		Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Số quyết định, ngày, tháng	Tổng mức đầu tư (TMĐT)		Tổng số	Trong đó					Cấp quyết định chủ trương đầu tư/ quyết định đầu tư sau sắp xếp	Tên chủ đầu tư/ cơ quan giao kế hoạch sau sắp xếp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn giao về cấp quyết định đầu tư mới				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn giao về cấp quyết định đầu tư mới				
								Vốn ngân sách trung ương (NSTW)	Vốn ngân sách tỉnh (NST)	Vốn ngân sách huyện (NSH)	Vốn khác					Vốn NSTW	Vốn NST	Vốn phân cấp cho cấp xã	Vốn khác		Vốn NSTW	Vốn NST	Vốn phân cấp cho cấp xã	Vốn khác	
	TỔNG SỐ				**331.617**	**208.101**	**85.747**	**66.886**	**-**	**16.821**	**2.041**	**-**			**170.081**	**29.610**	**3.399**	**1.171**	**-**	**85.747**	**66.886**	**14.807**	**2.014**	**2.041**	
A	**Nguồn vốn Chương trình MTQG 2025**				**280.109**	**173.509**	**79.578**	**61.603**	**-**	**15.934**	**2.041**	**-**			**121.397**	**24.327**	**2.632**	**1.051**	**-**	**79.578**	**61.603**	**14.040**	**1.894**	**2.041**	
A.1	**CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN**				**192.337**	**118.923**	**56.717**	**47.587**	**-**	**9.130**	**-**	**-**			**83.917**	**22.226**	**1.632**	**1.051**	**-**	**56.717**	**47.587**	**7.536**	**1.594**	**-**	
I	**Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt**				**8.396**	**3.423**	**4.584**	**4.244**	**-**	**340**	**-**	**-**			**8.007**	**4.244**	**40**	**300**	**-**	**4.584**	**4.244**	**40**	**300**	**-**	
a	**Dự án hoàn thành trước năm 2025**				5.096	3.423	1.284	1.244	-	40	-	-			**4.707**	**1.244**	**40**	**-**	**-**	**1.284**	**1.244**	**40**	-	-	
a.1	***Dự án hoàn thành đã quyết toán chưa bố trí đủ vốn***				**5.096**	**3.423**	**1.284**	**1.244**	**-**	**40**	**-**	**-**			**4.707**	**1.244**	**40**	**-**	**-**	**1.284**	**1.244**	**40**	**-**	**-**	
1	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung thôn Nà Pất	Xã Vân Thủy	xã Chiến Thắng	4792/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	2.700	1.104	1.206	1.166		40		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	2.310	1.166	40	-		1.206	1.166	40	-	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
2	Công trình nước sạch sinh hoạt tập trung thôn Nà Dạ, xã Chiến Thắng	xã Chiến Thắng	xã Chiến Thắng	5121/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	2.396	2.319	78	78				Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	2.396	78	-	-		78	78	-	-	-	
c	**Dự án khởi công mới năm 2025**				**3.300**	**-**	**3.300**	**3.000**	**-**	**300**	**-**	**-**	**-**	**-**	**3.300**	**3.000**	**-**	**300**	**-**	**3.300**	**3.000**	**-**	**300**	**-**	
1	Hỗ trợ nhà ở xã Hữu Kiên	xã Hữu Kiên	xã Quan Sơn		308		308	280		28		UBND xã Hữu Kiên	Cấp xã	UBND xã Quan Sơn	308	280	-	28		308	280	-	28	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
2	Hỗ trợ nhà ở xã Vân An	xã Vân An	xã Chiến Thắng		352		352	320		32		UBND xã Vân An	Cấp xã	UBND xã Chiến Thắng	352	320	-	32		352	320	-	32	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
3	Hỗ trợ nhà ở xã Chiến Thắng	xã Chiến Thắng	xã Chiến Thắng		440		440	400		40		UBND xã Chiến Thắng	Cấp xã	UBND xã Chiến Thắng	440	400	-	40		440	400	-	40	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
4	Hỗ trợ nhà ở xã Vân Thủy	xã Vân Thủy	xã Chiến Thắng		220		220	200		20		UBND xã Vân Thủy	Cấp xã	UBND xã Chiến Thắng	220	200	-	20		220	200	-	20	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
5	Hỗ trợ nhà ở xã Bắc Thủy	xã Bắc Thủy	xã Nhân Lý		220		220	200		20		UBND xã Bắc Thủy	Cấp xã	UBND xã Nhân Lý	220	200	-	20		220	200	-	20	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
6	Hỗ trợ nhà ở xã Lâm Sơn	xã Lâm Sơn	xã Nhân Lý		132		132	120		12		UBND xã Lâm Sơn	Cấp xã	UBND xã Nhân Lý	132	120	-	12		132	120	-	12	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
7	Hỗ trợ nhà ở xã Liên Sơn	xã Liên Sơn	xã Chiến Thắng		220		220	200		20		UBND xã Liên Sơn	Cấp xã	UBND xã Chiến Thắng	220	200	-	20		220	200	-	20	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
8	Hỗ trợ nhà ở Bằng Hữu	xã Bằng Hữu	xã Bằng Mạc		88		88	80		8		UBND xã Bằng Hữu	Cấp xã	UBND xã Bằng Mạc	88	80	-	8		88	80	-	8	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
9	Hỗ trợ nhà ở xã Y Tịch	xã Y Tịch	xã Vạn Linh		88		88	80		8		UBND xã Y Tịch	Cấp xã	UBND xã Vạn Linh	88	80	-	8		88	80	-	8	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
10	Hỗ trợ nhà ở xã Quan Sơn	xã Quan Sơn	xã Quan Sơn		132		132	120		12		UBND xã Quan Sơn	Cấp xã	UBND xã Quan Sơn	132	120	-	12		132	120	-	12	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
11	Hỗ trợ nhà ở xã Thượng Cường	xã Thượng Cường	xã Bằng Mạc		88		88	80		8		UBND xã Thượng Cường	Cấp xã	UBND xã Bằng Mạc	88	80	-	8		88	80	-	8	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
12	Hỗ trợ nhà ở xã Gia Lộc	xã Gia Lộc	xã Bằng Mạc		88		88	80		8		UBND xã Gia Lộc	Cấp xã	UBND xã Bằng Mạc	88	80	-	8		88	80	-	8	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
13	Hỗ trợ nhà ở xã Hòa Bình	xã Hòa Bình	xã Vạn Linh		88		88	80		8		UBNDxã Hòa Bình	Cấp xã	UBND xã Vạn Linh	88	80	-	8		88	80	-	8	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
14	Hỗ trợ nhà ở xã Vạn Linh	xã Vạn Linh	xã Vạn Linh		132		132	120		12		UBND xã Vạn Linh	Cấp xã	UBND xã Vạn Linh	132	120	-	12		132	120	-	12	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất

TT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện		Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Lũy kế vốn giải ngân từ khởi công đến trước năm kế hoạch	Kế hoạch vốn bố trí trong năm 2025					Chủ đầu tư/ Cơ quan được giao vốn trước khi sắp xếp	Sau rà soát, quyết định		Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau sắp xếp					Kế hoạch vốn năm 2025 sau sắp xếp					Ghi chú
		Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Số quyết định, ngày, tháng	Tổng mức đầu tư (TMĐT)		Tổng số	Trong đó					Cấp quyết định chủ trương đầu tư/ quyết định đầu tư sau sắp xếp	Tên chủ đầu tư/ cơ quan giao kế hoạch sau sắp xếp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn giao về cấp quyết định đầu tư mới				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn giao về cấp quyết định đầu tư mới				
								Vốn ngân sách trung ương (NSTW)	Vốn ngân sách tỉnh (NST)	Vốn ngân sách huyện (NSH)	Vốn khác					Vốn NSTW	Vốn NST	Vốn phân cấp cho cấp xã	Vốn khác		Vốn NSTW	Vốn NST	Vốn phân cấp cho cấp xã	Vốn khác	
15	Hỗ trợ nhà ở xã Bằng Mạc	xã Bằng Mạc	xã Bằng Mạc		88		88	80		8		UBND xã Bằng Mạc	Cấp xã	UBND xã Bằng Mạc	88	80	-	8		88	80	-	8	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
16	Hỗ trợ nhà ở xã Mai Sao	xã Mai Sao	xã Nhân Lý		88		88	80		8		UBND xã Mai Sao	Cấp xã	UBND xã Nhân Lý	88	80	-	8		88	80	-	8	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
17	Hỗ trợ nhà ở xã Nhân Lý	xã Nhân Lý	xã Nhân Lý		88		88	80		8		UBND xã Nhân Lý	Cấp xã	UBND xã Nhân Lý	88	80	-	8		88	80	-	8	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
18	Hỗ trợ nhà ở xã Chi Lăng	xã Chi Lăng	xã Chi Lăng		44		44	40		4		UBND xã Chi Lăng	Cấp xã	UBND xã Chi Lăng	44	40	-	4		44	40	-	4	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
19	Hỗ trợ nhà ở thị trấn Đồng Mỏ	thị trấn Đồng Mỏ	xã Chi Lăng		132		132	120		12		UBND thị trấn Đồng Mỏ	Cấp xã	UBND xã Chi Lăng	132	120	-	12		132	120	-	12	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
20	Hỗ trợ nhà ở thị trấn Chi Lăng	thị trấn Chi Lăng	xã Chi Lăng		88		88	80		8		UBND thị trấn Chi Lăng	Cấp xã	UBND xã Chi Lăng	88	80	-	8		88	80	-	8	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
21	Hỗ trợ đất ở xã Hữu Kiên	xã Hữu Kiên	xã Quan Sơn		44		44	40		4		UBND xã Quan Sơn	Cấp xã	UBND xã Quan Sơn	44	40	-	4		44	40	-	4	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
22	Hỗ trợ đất ở xã Vân An	xã Vân An	xã Chiến Thắng		44		44	40		4		UBND xã Chiến Thắng	Cấp xã	UBND xã Chiến Thắng	44	40	-	4		44	40	-	4	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
23	Hỗ trợ đất ở xã Chiến Thắng	xã Chiến Thắng	xã Chiến Thắng		44		44	40		4		UBND xã Chiến Thắng	Cấp xã	UBND xã Chiến Thắng	44	40	-	4		44	40	-	4	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
24	Hỗ trợ đất ở Vân Thủy	xã Vân Thủy	xã Chiến Thắng		44		44	40		4		UBND xã Chiến Thắng	Cấp xã	UBND xã Chiến Thắng	44	40	-	4		44	40	-	4	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
II	**Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết**				***40.315***	***27.513***	***10.400***	***10.125***	***-***	***275***	***-***	***-***	***-***	***-***	***37.953***	***10.125***	***245***	***30***	***-***	***10.400***	***10.125***	***245***	***30***	***-***	
a	**Dự án hoàn thành trước năm 2025**				**40.315**	**27.513**	**10.400**	**10.125**	**-**	**275**	**-**	**-**	**-**	**-**	**37.953**	**10.125**	**245**	**30**	**-**	**10.400**	**10.125**	**245**	**30**	**-**	
a.1	***Dự án hoàn thành đã quyết toán chưa bố trí đủ vốn***				**12.256**	**10.906**	**1.015**	**980**	**-**	**35**	**-**	**-**	**-**	**-**	**12.266**	**980**	**35**	**-**	**-**	**1.015**	**980**	**35**	**-**	**-**	
1	Mương Mò Tuống, xã Bằng Hữu	Bằng Hữu	Xã Bằng Mạc	4284/QĐ-UBND ngày 04/11/2022	859	800	59	59				Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	858	59	-	-		59	59	-	-	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
2	Mương Kéo Nọi, xã Bằng Hữu	Bằng Hữu	Xã Bằng Mạc	4000/QĐ-UBND ngày 17/10/2022	856	800	56	56				Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	858	56	-	-		56	56	-	-	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
3	Mương Phai Nà, xã Bằng Hữu	Bằng Hữu	Xã Bằng Mạc	4287/QĐ-UBND ngày 04/11/2022	568	550	15	15				Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	584	15	-	-		15	15	-	-	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
4	Trường TH xã Bắc Thủy (Điểm trường Khuổi Kháo)	Xã Bắc Thủy	Xã Nhân Lý	4528/QĐ-UBND ngày 16/11/2022	1.473	1.300	158	158				Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	1.499	158	-	-		158	158	-	-	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
5	Trường THCS xã Bắc Thủy	Xã Bắc Thủy	Xã Nhân Lý	1859/QĐ-UBND ngày 13/12/2022	8.500	7.456	727	692		35		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	8.467	692	35	-		727	692	35	-	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
a.2	***Dự án hoàn thành chưa quyết toán***				**28.059**	**16.607**	**9.385**	**9.145**	**-**	**240**	**-**	**-**	**-**	**-**	**25.687**	**9.145**	**210**	**30**	**-**	**9.385**	**9.145**	**210**	**30**	**-**	
1	Bê tông tuyến đường Kéo Phầy - Pá Tào - Lũng Đầy, xã Bằng Hữu	Bằng Hữu	Xã Bằng Mạc	4325/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	1.300		520	490		30		UBND xã Bằng Hữu	Cấp xã	UBND xã Bằng Mạc	1.369	490	-	30		520	490	-	30	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
2	Trường TH&THCS xã Bằng Hữu	Bằng Hữu	Xã Bằng Mạc	5493/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	8.500	4.625	3.875	3.875				Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	8.174	3.875	-	-		3.875	3.875	-	-	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
3	Đầu tư cơ sở vật chất trường tiểu học xã Bằng Hữu	Bằng Hữu	Xã Bằng Mạc	4910A/QĐ-UBND ngày 16/12/2022	5.000	4.512	464	464				Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	4.993	464	-	-		464	464	-	-	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
4	Trường Mầm non xã Bắc Thủy	Bắc Thủy	Xã Nhân Lý	2427/QĐ-UBND ngày 26/5/2023	11.790	6.280	4.356	4.157		199		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	9.752	4.157	199	-		4.356	4.157	199	-	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất

TT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện		Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Lũy kế vốn giải ngân từ khởi công đến trước năm kế hoạch	Kế hoạch vốn bố trí trong năm 2025					Chủ đầu tư/ Cơ quan được giao vốn trước khi sắp xếp	Sau rà soát, quyết định		Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau sắp xếp					Kế hoạch vốn năm 2025 sau sắp xếp					Ghi chú
								Trong đó								Trong đó, vốn giao về cấp quyết định đầu tư mới					Trong đó, vốn giao về cấp quyết định đầu tư mới				
		Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Số quyết định, ngày, tháng	Tổng mức đầu tư (TMĐT)		Tổng số	Vốn ngân sách trung ương (NSTW)	Vốn ngân sách tỉnh (NST)	Vốn ngân sách huyện (NSH)	Vốn khác		Cấp quyết định chủ trương đầu tư/ quyết định đầu tư sau sắp xếp	Tên chủ đầu tư/ cơ quan giao kế hoạch sau sắp xếp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW	Vốn NST	Vốn phân cấp cho cấp xã	Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW	Vốn NST	Vốn phân cấp cho cấp xã	Vốn khác	
5	Mở mới đường từ nhà văn hóa thôn Khuổi Kháo đến phân trường tiểu học, xã Bắc Thủy, huyện Chi Lăng	Bắc Thủy	Xã Nhân Lý	4593a/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	1.469	1.190	170	159		11		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	1.399	159	11	-		170	159	11	-	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
III	**Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất , đời sống trong vùng đồng bào DTTS và miền núi**				**117.226**	**71.996**	**33.391**	**26.907**	**-**	**6.484**	**-**	**-**	**-**	**-**	**13.920**	**1.546**	**37**	**-**	**-**	**33.391**	**26.907**	**5.941**	**543**	**-**	
a	**Dự án hoàn thành trước năm 2025**				102.326	71.996	23.105	17.181	-	5.924	-	-	-	-	13.920	1.546	37	-	-	23.105	17.181	5.861	63	-	
a.1	***Dự án hoàn thành đã quyết toán chưa bố trí đủ vốn***				14.691	12.982	1.583	1.546	-	37	-	-	-	-	13.920	1.546	37	-	-	1.583	1.546	37	-	-	
1	Đường Suối Phầy, xã Hữu Kiên	Xã Hữu Kiên	xã Quan Sơn	4286/QĐ-UBND ngày 04/11/2022	4.073	3.781	179	179				Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	3.980	179	-	-		179	179	-	-	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
2	Đường Bản Dù - Tình Lùng, xã Vân Thủy	Xã Vân Thủy	xã Chiến Thắng	4297/QĐ-UBND ngày 07/11/2022	1.807	1.405	402	392		10		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	1.798	392	10	-		402	392	10	-	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
3	Trường TH xã Vân An (Trường chính + Điểm trường Hồng Tân)	Xã Vân An	xã Chiến Thắng	4858/QĐ-UBND ngày 13/12/2022	4.872	4.856	2	2		-		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	4.231	2	-	-		2	2	-	-	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
4	Nhà văn hóa xã Vân Thủy	Vân Thủy	xã Chiến Thắng	2474/QĐ-UBND ngày 29/5/2023	3.939	2.940	1.000	973		27		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	3.911	973	27	-		1.000	973	27	-	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
a.2	***Dự án hoàn thành chưa quyết toán***				**87.635**	**59.014**	**21.522**	**15.635**	**-**	**5.887**	**-**	**-**	**-**	**-**					**-**	**21.522**	**15.635**	**5.824**	**63**	**-**	
1	Đường Kéo Phầy - Pá Tảo, xã Bằng Hữu	Xã Bằng Hữu	xã Bằng Mạc	4325/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	1.788	1.630	158	153		5		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	1.728	153	5	-		158	153	5	-	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
2	Đường Nà Dạ - Nà Nhì, xã Chiến Thắng	Xã Chiến Thắng	xã Chiến Thắng	4302/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	3.337	3.205	132	132				Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	2.956	132	-	-		132	132	-	-	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
3	Bê tông hóa tuyến đường Trung Tâm - Tân Minh - xã Thống Nhất, huyện Lộc Bình	Xã Vân An	xã Chiến Thắng	3467/QĐ-UBND ngày 09/8/2023	1.000	824	53	52		1		UBND xã Vân An	Cấp xã	UBND xã Chiến Thắng	877	52	-	1		53	52	-	1	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
4	Đường Tân Minh - Tân Long	Xã Vân An	xã Chiến Thắng	2819/QĐ-UBND ngày 23/6/2023	1.733	1.670	127	122		5		UBND xã Vân An	Cấp xã	UBND xã Chiến Thắng	1.797	122	-	5		127	122	-	5	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
5	Đường Nà Tình - Nà Pồ, xã Chiến Thắng	xã Chiến Thắng	xã Chiến Thắng	3072/QĐ-UBND ngày 13/7/2023	1.000	903	95	90		5		UBND xã Chiến Thắng	Cấp xã	UBND xã Chiến Thắng	998	90	-	5		95	90	-	5	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
6	Đường Bản Lăm - Hợp Đường, xã Liên Sơn	xã Liên Sơn	xã Chiến Thắng	4989a/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	1.800	1.638	43	41		2		UBND xã Liên Sơn	Cấp xã	UBND xã Chiến Thắng	1.681	41	-	2		43	41	-	2	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
7	Trường MN xã Chiến Thắng	Chiến Thắng	xã Chiến Thắng	5025a/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	9.727	5.757	3.962	2.864		1.098		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	8.251	2.864	1.098	-		3.962	2.864	1.098	-	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
8	Nhà văn hóa xã Chiến Thắng	Chiến Thắng	xã Chiến Thắng	4590a/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	4.879	1.900	1.800	1.800		-		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	3.995	1.800	-	-		1.800	1.800	-	-	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
9	Trường mầm non xã Vân Thủy	Vân Thủy	xã Chiến Thắng	4639/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	6.000	230	1.000	1.000		-		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	5.985	1.000	-	-		1.000	1.000	-	-	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
10	Đầu tư cơ sở vật chất Trường THCS xã Vân Thủy	Vân Thủy	xã Chiến Thắng	5005/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	5.168	4.515	73	73		-		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	5.940	73	-	-		73	73	-	-	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
11	Đầu tư cơ sở vật chất Trường TH xã Chiến Thắng	Chiến Thắng	xã Chiến Thắng	2812/QĐ-UBND ngày 22/6/2023	10.641	8.230	2.410	1.420		990		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	11.970	1.420	990	-		2.410	1.420	990	-	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
12	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Trạm y tế xã Vân Thủy	Vân Thủy	xã Chiến Thắng	5115/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	1.199	840	609	359		250		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	1.000	359	250	-		609	359	250	-	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
13	Nhà văn hóa xã Bằng Hữu	Xã Bằng Hữu	Xã Bằng Mạc	5114/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	3.970	2.479	1.491	1.491		-		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	4.410	1.491	-	-		1.491	1.491	-	-	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
14	Bê tông hóa tuyến đường Nà Chuối, thôn Làng Bu 1, xã Lâm Sơn	Xã Lâm Sơn	xã Nhân Lý		2.185	1.450	700	650		50		UBND xã Lâm Sơn	Cấp xã	UBND xã Nhân Lý	2.150	650	-	50		700	650	-	50	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất

TT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện		Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Lũy kế vốn giải ngân từ khởi công đến trước năm kế hoạch	Kế hoạch vốn bố trí trong năm 2025					Chủ đầu tư/ Cơ quan được giao vốn trước khi sắp xếp	Sau rà soát, quyết định		Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau sắp xếp					Kế hoạch vốn năm 2025 sau sắp xếp					Ghi chú
							Tổng số	Trong đó					Cấp quyết định chủ trương đầu tư/ quyết định đầu tư sau sắp xếp	Tên chủ đầu tư/ cơ quan giao kế hoạch sau sắp xếp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn giao về cấp quyết định đầu tư mới				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn giao về cấp quyết định đầu tư mới				
		Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Số quyết định, ngày, tháng	Tổng mức đầu tư (TMĐT)			Vốn ngân sách trung ương (NSTW)	Vốn ngân sách tỉnh (NST)	Vốn ngân sách huyện (NSH)	Vốn khác				Vốn NSTW	Vốn NST	Vốn phân cấp cho cấp xã	Vốn khác		Vốn NSTW	Vốn NST	Vốn phân cấp cho cấp xã	Vốn khác	
15	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp chợ xã Hữu Kiên	Hữu Kiên	xã Quan Sơn	4978/QĐ-UBND ngày 21/11/2023	500	400	79	75		4		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	499	75	4	-		79	75	4	-	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
16	Trường Mầm non xã Vân An	Vân An	xã Chiến Thắng	5371/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	5.000	2.950	1.810	1.010		800		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	4.150	1.010	800	-		1.810	1.010	800	-	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
17	Trường Mầm non xã Bằng Hữu	Bằng Hữu	Xã Bằng Mạc	1392/QĐ-UBND ngày 25/3/2024	7.000	4.500	2.500	1.200		1.300		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	6.300	1.200	1.300	-		2.500	1.200	1.300	-	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
18	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã Liên Sơn	Liên Sơn	xã Chiến Thắng	5379/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	7.000	4.048	2.723	1.947		776		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	6.291	1.947	776	-		2.723	1.947	776	-	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
19	Đường bê tông Co Hương xã Hữu Kiên	Hữu Kiên	xã Quan Sơn	5372/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	4.500	3.255	1.401	800		601		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	4.096	800	601	-		1.401	800	601	-	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
20	Đường Cô mìn - Nà cải, xã Chiến Thắng	Chiến Thắng	xã Chiến Thắng	5005a/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	2.943	2.700	163	163				Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	2.960	163	-	-		163	163	-	-	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
21	Đường Nà Pò - Kéo Phầy, xã Bằng Hữu	Bằng Hữu	Xã Bằng Mạc	4027/QĐ-UBND ngày 21/10/2022	1.884	1.702	19	19				Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	1.885	19	-	-		19	19	-	-	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
22	Trường TH xã Bắc Thủy (Điểm trường Rạng Đông)	Bắc Thủy	Xã Nhân Lý	4620/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	3.496	3.376	119	119				Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	3.431	119	-	-		119	119	-	-	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
23	Trường Mầm non xã Bắc Thủy(điểm trường Rạng Đông)	Bắc Thủy	Xã Nhân Lý	4647/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	886	812	57	57				Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	868	57	-	-		57	57	-	-	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
c	**Dự án khởi công mới năm 2025**				**14.900**	**-**	**10.286**	**9.726**	**-**	**560**	**-**	-	-	-					-	10.286	**9.726**	**80**	**480**	**-**	
1	Bê tông hóa tuyến đường liên thôn Bắc Phù - Khâm Phường, xã Bắc Thủy	Xã Bắc Thủy	Xã Nhân Lý		1.000		850	800		50		UBND Bắc Thủy	Cấp xã	UBND xã Nhân Lý	945	800	-	50		850	800	-	50	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
2	Bê tông hóa tuyến đường Nà Trác - Co Bây, xã Vân An	Xã Vân An	xã Chiến Thắng		1.900		1.500	1.430		70		UBND xã Vân An	Cấp xã	UBND xã Chiến Thắng	1.500	1.430	-	70		1.500	1.430	-	70	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
3	Bê tông hóa tuyến đường Nà Trác - Khòn Nạo, xã Vân An	Xã Vân An	xã Chiến Thắng		2.400		1.600	1.500		100		UBND xã Vân An	Cấp xã	UBND xã Chiến Thắng	2.390	1.500	-	100		1.600	1.500	-	100	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
4	Bê tông hóa tuyến đường Nà Trang - Khòn Nạo, xã Vân An	Xã Vân An	xã Chiến Thắng		2.200		1.600	1.500		100		UBND xã Vân An	Cấp xã	UBND xã Chiến Thắng	2.150	1.500	-	100		1.600	1.500	-	100	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
5	Bê tông hóa tuyến đường Co Lái - Trung Khìm, thôn Hợp Nhất, xã Lâm Sơn	Xã Lâm Sơn	Xã Nhân Lý		2.200		1.590	1.500		90		UBND xã Lâm Sơn	Cấp xã	UBND xã Nhân Lý	1.890	1.500	-	90		1.590	1.500	-	90	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
6	Đường bê tông Suối Mỏ xã Hữu Kiên	Hữu Kiên	xã Quan Sơn		1.700		1.266	1.196		70		UBND xã Hữu Kiên	Cấp xã	UBND xã Quan Sơn	1.270	1.196	-	70		1.266	1.196	-	70	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
7	Bê tổng hóa tuyến đường Hợp Đường, Liên Sơn - Trung Khìm, thôn Hợp Nhất, xã Lâm Sơn.	Liên Sơn, Lâm Sơn	xã Nhân Lý, xã Chiến Thắng		3.500		1.880	1.800		80		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	1.880	1.800	80	-		1.880	1.800	80	-	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
IV	**Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**				**23.000**	**15.991**	**6.942**	**5.632**	**-**	**1.310**	**-**				**22.637**	**5.632**	**1.310**	**-**	**-**	**6.942**	**5.632**	**1.310**	**-**	**-**	
a	**Dự án hoàn thành trước năm 2025**				**23.000**	**15.991**	**6.942**	**5.632**	**-**	**1.310**	**-**				**22.637**	**5.632**	**1.310**	**-**	**-**	**6.942**	**5.632**	**1.310**	**-**	**-**	
a.1	***Dự án hoàn thành đã quyết toán chưa bố trí đủ vốn***				***9.000***	***5.755***	***3.245***	***2.715***	**-**	***530***	**-**				***8.926***	***2.715***	***530***	**-**	**-**	***3.245***	***2.715***	***530***		**-**	
1	Trường PTDTBT THCS xã Vân An	Vân An	xã Chiến Thắng	5003/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	9.000	5.755	3.245	2.715		530		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	8.926	2.715	530	-		3.245	2.715	530	-	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
a.2	***Dự án hoàn thành chưa quyết toán***				14.000	10.236	3.697	2.917	-	780	-	-	-	-	13.711	2.917	780	-	-	3.697	2.917	780	-	-	
1	Trường PTDTBT THCS xã Hữu Kiên	Xã Hữu Kiên	xã Quan Sơn	4646/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	9.000	7.013	1.920	1.500		420		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	8.919	1.500	420	-		1.920	1.500	420	-	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
2	Trường PTDTBT Tiểu học 1 xã Hữu Kiên	Xã Hữu Kiên	xã Quan Sơn	4476A/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	5.000	3.223	1.777	1.417		360		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	4.792	1.417	360	-		1.777	1.417	360	-	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất

TT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện		Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Lũy kế vốn giải ngân từ khởi công đến trước năm kế hoạch	Kế hoạch vốn bố trí trong năm 2025					Chủ đầu tư/ Cơ quan được giao vốn trước khi sắp xếp	Sau rà soát, quyết định		Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau sắp xếp					Kế hoạch vốn năm 2025 sau sắp xếp					Ghi chú
								Trong đó								Trong đó, vốn giao về cấp quyết định đầu tư mới						Trong đó, vốn giao về cấp quyết định đầu tư mới				
		Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Số quyết định, ngày, tháng	Tổng mức đầu tư (TMĐT)		Tổng số	Vốn ngân sách trung ương (NSTW)	Vốn ngân sách tỉnh (NST)	Vốn ngân sách huyện (NSH)	Vốn khác		Cấp quyết định chủ trương đầu tư/ quyết định đầu tư sau sắp xếp	Tên chủ đầu tư/ cơ quan giao kế hoạch sau sắp xếp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW	Vốn NST	Vốn phân cấp cho cấp xã	Vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW	Vốn NST	Vốn phân cấp cho cấp xã	Vốn khác	
V	**Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, truyền thống tốt đẹp các DTTS gắn với phát triển du lịch**				**3.400**	**-**	**1.400**	**679**	**-**	**721**	**-**	**-**	**-**	**-**	**1.400**	**679**	**-**	**721**	**-**	**1.400**	**679**	**-**	**721**	**-**	
c	**Dự án khởi công mới năm 2025**				**3.400**	**-**	**1.400**	**679**	**-**	**721**	**-**	**-**	**-**	**-**	**1.400**	**679**	**-**	**721**	**-**	**1.400**	**679**	**-**	**721**	**-**	
1	Nhà văn hóa thôn Háng Cút	Xã Bắc Thủy	xã Nhân Lý		500		200	100		100		UBND xã Bắc Thủy	Cấp xã	UBND xã Nhân Lý	200	100	-	100		200	100	-	100	-	Dừng thực hiện
2	Nhà văn hóa thôn Hợp Nhất	Xã Lâm Sơn	xã Nhân Lý		500		200	100		100		UBND xã Lâm Sơn	Cấp xã	UBND xã Nhân Lý	200	100	-	100		200	100	-	100	-	Dừng thực hiện
3	Nhà văn hóa thôn Nà Cải	Xã Chiến Thắng	xã Chiến Thắng		400		200	100		100		UBND xã Chiến Thắng	Cấp xã	UBND xã Chiến Thắng	200	100	-	100		200	100	-	100	-	Dừng thực hiện
4	Nhà văn hóa thôn Tà Sản	Xã Vân An	xã Chiến Thắng		500		200	100		100		UBND xã Vân An	Cấp xã	UBND xã Chiến Thắng	200	100	-	100		200	100	-	100	-	Dừng thực hiện
5	Nhà văn hóa thôn Khòn Nạo	Xã Vân An	xã Chiến Thắng		500		200	79		121		UBND xã Vân An	Cấp xã	UBND xã Chiến Thắng	200	79	-	121		200	79	-	121	-	Dừng thực hiện
6	Nhà văn hóa thôn Bản Thí	Xã Vân Thủy	xã Chiến Thắng		500		200	100		100		UBND xã Vân Thủy	Cấp xã	UBND xã Chiến Thắng	200	100	-	100		200	100	-	100	-	Dừng thực hiện
7	Nhà văn hóa thôn Suối Mạ	Xã Hữu Kiên	xã Quan Sơn		500		200	100		100		UBND xã Hữu Kiên	Cấp xã	UBND xã Quan Sơn	200	100	-	100		200	100	-	100	-	Dừng thực hiện
A.2	**CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**				**87.772**	**54.586**	**22.861**	**14.016**	**-**	**6.804**	**2.041**	**-**	**-**	**-**	**37.480**	**2.101**	**1.000**	**-**	**-**	**22.861**	**14.016**	**6.504**	**300**	**2.041**	
a	**Dự án hoàn thành trước năm 2025**				75.272	54.586	17.057	14.016	-	1.000	2.041	-	-	-	37.480	2.101	1.000	-	-	17.057	14.016	1.000	-	2.041	
a.1	***Dự án hoàn thành đã quyết toán chưa bố trí đủ vốn***				**41.052**	**34.847**	**3.101**	**2.101**	**-**	**1.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**37.480**	**2.101**	**1.000**	**-**	**-**	**3.101**	**2.101**	**1.000**	**-**	**-**	
1	Đường Làng Nong - Lũng Luông, xã Thượng Cường	Xã Thượng Cường	Xã Bằng Mạc	1632/QĐ-UBND ngày 09/5/2022	4.261	4.140	71	71				Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	4.390	71	-	-		71	71	-	-	-	
2	Trường TH&THCS xã Thượng Cường	Xã Thượng Cường	Xã Bằng Mạc	1617/QĐ-UBND ngày 06/5/2022	10.861	9.466	600	600				Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	10.866	600	-	-		600	600	-	-	-	
3	Trường Mầm non xã Thượng Cường và 01 phòng học Điểm trường Tổng Nọt	Xã Thượng Cường	Xã Bằng Mạc	1638/QĐ-UBND ngày 10/5/2022	6.849	6.139	661	661				Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	6.800	661	-	-		661	661	-	-	-	
4	Đầu tư cơ sở vật chất Trường Mầm non xã Thượng Cường (Phân trường Đoàn Kết)	Xã Thượng Cường	Xã Bằng Mạc	1631/QĐ-UBND ngày 09/5/2022	2.869	2.320	126	126				Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	2.869	126	-	-		126	126	-	-	-	
5	Đầu tư cơ sở vật chất Trường TH&THCS xã Thượng Cường (Phân trường Đoàn Kết)	Xã Thượng Cường	Xã Bằng Mạc	1517/QĐ-UBND ngày 25/4/2022	2.476	2.320	156	156				Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	2.476	156	-	-		156	156	-	-	-	
6	Trường TH xã Chi Lăng	xã Chi Lăng	xã Chi Lăng	3737/QĐ-UBND ngày 28/09/2022	11.780	8.994	1.000			1.000		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	8.500	-	1.000	-		1.000	-	1.000	-	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
7	Cải tạo, nâng cấp Chợ Nhân Lý	Xã Nhân Lý	Xã Nhân Lý	1567/QĐ-UBND ngày 07/4/2023	1.955	1.468	487	487				Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	1.579	487	-	-		487	487	-	-	-	
a.2	***Dự án hoàn thành chưa quyết toán***				**34.220**	**19.739**	**13.956**	**11.915**	**-**	**-**	**2.041**	**-**	**-**	**-**					**-**	13.956	**11.915**	**-**	**-**	**2.041**	
6	Đường Làng Nong, xã Thương Cường	Xã Thượng Cường	Xã Bằng Mạc	1776/QĐ-UBND ngày 26/5/2022	2.001	1.870	129	129				Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	1.870	129	-	-		129	129	-	-	-	
9	Sửa chữa, nâng cấp Đường Nà Lóong (ĐT 234-QL1)	Xã Nhân Lý	Xã Nhân Lý	4590a/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	2.500	1.950	495	495				Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	2.500	495	-	-		495	495	-	-	-	
10	Bê tông đường trục xã Khun Tiếm	Xã Nhân Lý	Xã Nhân Lý	4651/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	1.668	1.332	168	168				Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	1.700	168	-	-		168	168	-	-	-	
11	Xây dựng nhà văn hóa xã Nhân Lý	Xã Nhân Lý	Xã Nhân Lý	5004/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	4.000	2.450	1.259	1.259				Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	3.950	1.259	-	-		1.259	1.259	-	-	-	
12	Trường Mầm non xã Nhân Lý	Xã Nhân Lý	Xã Nhân Lý	2391/QĐ-UBND ngày 25/5/2023	12.484	6.282	6.192	4.820			1.372	Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	12.282	4.820	-	-		6.192	4.820	-	-	1.372	SN giáo dục
13	Trường TH xã Nhân Lý	Xã Nhân Lý	Xã Nhân Lý	2385/QĐ-UBND ngày 23/5/2023	11.568	5.855	5.713	5.044			669	Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	10.899	5.044	-	-		5.713	5.044	-	-	669	SN giáo dục
c	**Dự án khởi công mới năm 2025**				**12.500**	**-**	**5.804**	**-**	**-**	**5.804**	**-**	**-**	**-**	**-**					**-**	5.804	**-**	**5.504**	**300**	**-**	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện		Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Lũy kế vốn giải ngân từ khởi công đến trước năm kế hoạch	Kế hoạch vốn bố trí trong năm 2025					Chủ đầu tư/ Cơ quan được giao vốn trước khi sắp xếp	Sau rà soát, quyết định		Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau sắp xếp					Kế hoạch vốn năm 2025 sau sắp xếp					Ghi chú
		Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Số quyết định, ngày, tháng	Tổng mức đầu tư (TMĐT)		Tổng số	Trong đó					Cấp quyết định chủ trương đầu tư/ quyết định đầu tư sau sắp xếp	Tên chủ đầu tư/ cơ quan giao kế hoạch sau sắp xếp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn giao về cấp quyết định đầu tư mới				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn giao về cấp quyết định đầu tư mới				
								Vốn ngân sách trung ương (NSTW)	Vốn ngân sách tỉnh (NST)	Vốn ngân sách huyện (NSH)	Vốn khác					Vốn NSTW	Vốn NST	Vốn phân cấp cho cấp xã	Vốn khác		Vốn NSTW	Vốn NST	Vốn phân cấp cho cấp xã	Vốn khác	
1	Trường THCS xã Chiến Thắng	xã Chiến Thắng	xã Chiến Thắng	352/QĐ-UBND ngày 22/01/2025	12.000		5.504			5.504		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	5.504	-	5.504	-		5.504	-	5.504	-	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
2	Sân thể thao xã Chiến Thắng, Huyện Chi Lăng	xã Chiến Thắng	xã Chiến Thắng		500		300			300		UBND xã Chiến Thắng	Cấp xã	UBND xã Chiến Thắng	300	-	-	300		300	-	-	300	-	NSH đối ứng thu tiền sử dụng đất
B	**VỐN CÁC NĂM TRƯỚC KÉO DÀI SANG NĂM 2025**				**51.508**	**34.593**	**6.170**	**5.283**	**-**	**887**	**-**	-	-	-	**48.684**	**5.283**	**767**	**120**	**-**	**6.170**	**5.283**	**767**	**120**	**-**	
	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN				**51.508**	**34.593**	**6.170**	**5.283**	**-**	**887**	**-**	-	-	-	**48.684**	**5.283**	**767**	**120**	**-**	**6.170**	**5.283**	**767**	**120**	**-**	
	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt				**132**	**-**	**132**	**120**	**-**	**12**	**-**	-	-	-	**132**	**120**	**-**	**12**	**-**	**132**	**120**	**-**	**12**	**-**	
	Dự án chuyển tiếp				132	-	132	120	-	12	-	-	-	-	**132**	**120**	**-**	**12**	**-**	**132**	**120**	**-**	**12**	**-**	
I	**Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt**				**132**	**-**	**132**	**120**	**-**	**12**	**-**	-	-	-	132	120	-	12		132	120	-	12	-	
1.1	Hỗ trợ xây mới nhà ở xã Chiến Thắng	xã Chiến Thắng	xã Chiến Thắng		44		44	40		4		UBND xã Chiến Thắng	Cấp xã	UBND xã Chiến Thắng	44	40	-	4		44	40	-	4	-	
1.2	Hỗ trợ xây mới nhà ở xã Lâm Sơn	xã Lâm Sơn	xã Nhân Lý		44		44	40		4		UBND xã Lâm Sơn	Cấp xã	UBND xã Nhân Lý	44	40	-	4		44	40	-	4	-	
1.3	Hỗ trợ xây mới nhà ở xã Hoà Bình	xã Hòa Bình	xã Vạn Linh		44		44	40		4		UBND xã Hòa Bình	Cấp xã	UBND xã Vạn Linh	44	40	-	4		44	40	-	4	-	
a	**Dự án hoàn thành trước năm 2025**				**51.376**	**34.593**	**6.038**	**5.163**	**-**	**875**	**-**	-	-	-	**48.552**	**5.163**	**767**	**108**	**-**	**6.038**	**5.163**	**767**	**108**	**-**	
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất , đời sống trong vùng đồng bào DTTS và miền núi				**51.376**	**34.593**	**6.038**	**5.163**	**-**	**875**	**-**	-	-	-	**48.552**	**5.163**	**767**	**108**	**-**	**6.038**	**5.163**	**767**	**108**	**-**	
a.2	***Dự án hoàn thành chưa quyết toán***				**51.376**	**34.593**	**6.038**	**5.163**	**-**	**875**	**-**	-	-	-	**48.552**	**5.163**	**767**	**108**	**-**	**6.038**	**5.163**	**767**	**108**	**-**	
1	Đường Nà Pò - Kéo Phầy, Bằng Hữu	Xã Bằng Hữu	xã Bằng Mạc	4027/QĐ-UBND ngày 21/10/2022	2.000	1.702	163	163				Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	1.885	163	-	-		163	163	-	-	-	
2	Trường TH xã Bắc Thủy (Điểm trường Rạng Đông)	Xã Bắc Thủy	xã Nhân Lý	4620/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	3.495	3.376	47	45		2		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	3.431	45	2	-		47	45	2	-	-	
3	Đường Bản Lăm - Thiên Cần, xã Liên Sơn	Xã Liên Sơn	xã Chiến Thắng	4787/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	4.000	2.632	197	197				Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	2.746	197	-	-		197	197	-	-	-	
4	Trường TH&THCS xã Lâm Sơn	Xã Lâm Sơn	xã Nhân Lý	4792/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	8.500	7.856	310	310				Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	8.166	310	-	-		310	310	-	-	-	
5	Đường thôn Phai Mò, xã Vân An	Xã Vân An	xã Chiến Thắng	4691/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	2.800	2.150	391	391				Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	2.561	391	-	-		391	391	-	-	-	
6	Đường Nà Tình - Nà Mẫn, xã Chiến Thắng	xã Chiến Thắng	xã Chiến Thắng	4592a/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	1.500	1.113	307	307				Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	1.435	307	-	-		307	307	-	-	-	
7	Trường mầm non xã Vân Thủy	Vân Thủy	xã Chiến Thắng	4639/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	6.000	230	400	400				Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	5.985	400	-	-		400	400	-	-	-	
8	Đầu tư cơ sở vật chất Trường THCS xã Vân Thủy	Vân Thủy	xã Chiến Thắng	5005/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	5.168	4.515	580	495		85		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	5.940	495	85	-		580	495	85	-	-	
9	Nhà văn hóa xã Chiến Thắng	Chiến Thắng	xã Chiến Thắng	4590a/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	4.879	1.900	1.000	400		600		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	3.995	400	600	-		1.000	400	600	-	-	
10	Đường bê tông Co Hương, xã Hữu Kiên	Hữu Kiên	xã Quan Sơn	5372/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	4.500	1.384	1.716	1.716				Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	4.096	1.716	-	-		1.716	1.716	-	-	-	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện		Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Lũy kế vốn giải ngân từ khởi công đến trước năm kế hoạch	Kế hoạch vốn bố trí trong năm 2025					Chủ đầu tư/ Cơ quan được giao vốn trước khi sắp xếp	Sau rà soát, quyết định		Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 sau sắp xếp					Kế hoạch vốn năm 2025 sau sắp xếp					Ghi chú
		Trước sắp xếp	Sau sắp xếp	Số quyết định, ngày, tháng	Tổng mức đầu tư (TMĐT)		Tổng số	Trong đó					Cấp quyết định chủ trương đầu tư/ quyết định đầu tư sau sắp xếp	Tên chủ đầu tư/ cơ quan giao kế hoạch sau sắp xếp	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn giao về cấp quyết định đầu tư mới				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, vốn giao về cấp quyết định đầu tư mới				
								Vốn ngân sách trung ương (NSTW)	Vốn ngân sách tỉnh (NST)	Vốn ngân sách huyện (NSH)	Vốn khác				Vốn NSTW	Vốn NST	Vốn phân cấp cho cấp xã	Vốn khác		Vốn NSTW	Vốn NST	Vốn phân cấp cho cấp xã	Vốn khác	
11	Đường Tân Minh - Tân Long	Xã Vân An	xã Chiến Thắng	2819/QĐ-UBND ngày 23/6/2023	1.733	1.670	320	275		45		UBND xã Vân An	Cấp xã	UBND xã Chiến Thắng	1.797	275	-	45		320	275	-	45	-	
12	Đường Bản Lăm - Hợp Đường, xã Liên Sơn	xã Liên Sơn	xã Chiến Thắng	4989a/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	1.800	**1.638**	398	355		43		UBND xã Liên Sơn	Cấp xã	UBND xã Chiến Thắng	1.681	355	-	43		398	355	-	43	-	
13	Bê tông hóa tuyến đường Trung Tâm - Tân Minh - xã Thống Nhất, huyện Lộc Bình	Xã Vân An	xã Chiến Thắng	3467/QĐ-UBND ngày 09/8/2023	1.000	824	42	22		20		UBND xã Vân An	Cấp xã	UBND xã Chiến Thắng	877	22	-	20		42	22	-	20	-	
14	Đường Nà Tình - Nà Pồ, xã Chiến Thắng	xã Chiến Thắng	xã Chiến Thắng	3072/QĐ-UBND ngày 13/7/2023	1.000	903	86	86				UBND xã Chiến Thắng	Cấp xã	UBND xã Chiến Thắng	998	86	-	-		86	86	-	-	-	
15	Đường Cô Mìn - Nà Cải, xã Chiến Thắng	xã Chiến Thắng	xã Chiến Thắng	5005a/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	3.000	2.700	80			80		Ban QLDA ĐTXD huyện	Cấp tỉnh	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	2.960	-	80	-		80	-	80	-	-	